

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 02 - 2021

V/v: Chị Trần Thị L xin ly hôn
anh Phạm Văn T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiền.

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn VL, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn VL, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Ngân hàng Ch;

Địa chỉ trụ sở chính: Số XXX, phố L, phường H, quận H, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn TT D, Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện V, tỉnh Thái Bình;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Huy T, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị L vắng mặt, anh T vắng mặt, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:***

Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10 tháng 12 năm 2004 tại UBND xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính là do anh T không chịu đi làm, chơi bời cờ bạc, rượu chè, phó mặc cho chị một mình lo toan kinh tế, cáng đáng cuộc sống gia đình, chị góp ý, anh T không nghe, nhiều lần đánh chị, có lần anh T đâm vào mắt chị, có lần anh T tát chị, chị bị u một bên tai và chảy máu tai. Vì con, chị nín nhịn chịu đựng, tuy nhiên, chuyện vợ chồng đánh cãi nhau ngày càng xảy ra liên tục và thường xuyên hơn. Đầu năm 2018 chị lên Hà Nội xin việc làm để lo kinh tế gia đình nhưng anh T gây áp lực với chị, chửi bới chị nên cuối năm 2018 chị về Thái Bình xin đi làm tại Công ty Vinmart+ tại khu đô thị Petro ở thành phố, do tính chất công việc chị phải đi sớm về muộn, anh T vì ghen tuông vô cớ đã đến chỗ chị làm việc quậy phá, đánh đập chị, công ty phải can thiệp. Tháng 7 năm 2019 chị tiếp tục lên Hà Nội thuê nhà trọ ở, xin việc làm tại đây, từ thời điểm đó đến nay chị và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó, chị cương quyết xin ly hôn anh T, chị không chấp nhận quay về đoàn tụ.

Chị và anh Phạm Văn T có hai con chung là Phạm T Minh, sinh ngày 03

tháng 11 năm 2005, hiện đang ở cùng anh T và con Phạm T Anh, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2008, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, vì các con là con chung, bố mẹ đều phải có trách nhiệm với các con, do đó, chị đề nghị được nuôi con T Anh, anh T nuôi con T Minh, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, do đó, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung:

- Năm 2017, 2018, chị và anh Phạm Văn T vay Ngân hàng Ch, phòng giao dịch V, tỉnh Thái Bình số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng. Trong đó: Năm 2017 vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn 12 triệu đồng, lãi suất 09%/năm. Năm 2018 vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo 20 triệu đồng, lãi suất 8,25%/năm. Đến thời điểm hiện tại, chị và anh T chưa trả được nợ gốc, nợ lãi đã trả hết tháng 01 năm 2021. Ly hôn, đối với khoản nợ trên, anh T nhận trách nhiệm trả toàn bộ, chị đồng ý.

- Năm 2018, chị và anh Phạm Văn T vay Ngân hàng NN, chi nhánh huyện V, tỉnh Thái Bình số tiền gốc là 100 triệu, lãi suất theo thỏa thuận. Ngày 15 tháng 9 năm 2020, ông Phạm Đức TT (bố đẻ anh T) đã trả thay cho anh chị nợ gốc, nợ lãi tại Ngân hàng với tổng số tiền là 106.530.137 đồng. Nay anh chị ly hôn, đối với việc ông TT đã trả thay anh chị khoản nợ trên, ông TT không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, chị đồng ý. Chị và anh T sẽ có trách nhiệm trả ông TT khoản tiền trên nhưng đó là việc sau này. Nếu có tranh chấp, chị, anh T và ông TT sẽ đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác.

- Ngoài ra, chị và anh Phạm Văn T không đi vay và không cho ai vay khoản nợ chung nào khác.

Hiện chị đang thuê nhà trọ sống tại Hà Nội nhưng chỉ là ở tạm, chị không đăng ký tạm trú tại đó. Chị làm tự do, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/01 tháng.

**** Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 22 tháng 01 năm 2021, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:***

Anh và chị Trần Thị L đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2004 tại UBND xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn do không hòa hợp. Chị L tự ý bỏ

nhà lên Hà Nội ở và làm đơn ly hôn anh. Anh cố gắng níu kéo hàn gắn nhưng không được. Anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị L xin ly hôn anh, anh không muốn ly hôn, nếu chị L cương quyết ly hôn, anh đồng ý theo nguyện vọng của chị L.

Anh và chị Trần Thị L có hai con chung là Phạm T Minh, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2005, hiện đang ở cùng anh và con Phạm T Anh, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2008, hiện đang ở cùng chị L. Nếu anh và chị L ly hôn, chị L chọn nuôi ai trong hai con chung, anh đều đồng ý. Hiện anh làm lao động tự do, thu nhập khoảng 04 triệu đồng/01 tháng.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung vì không có.

Về nợ chung:

- Năm 2017, 2018, anh và chị Trần Thị L có vay nợ tại phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện V, tỉnh Thái Bình số tiền gốc là 42.000.000 đồng, tiền gốc hiện chưa trả, tiền lãi đã trả hết tháng 01 năm 2021. Đối với khoản nợ này, anh nhận trách nhiệm trả toàn bộ, không yêu cầu chị L phải trả nợ cùng anh.

- Anh và chị L còn có một khoản nợ chung tại Ngân hàng NN chi nhánh huyện V, tỉnh Thái Bình, số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh. Đối với khoản nợ này, bố đẻ anh là ông Phạm Đức TT đã trả thay anh và chị L. Trong vụ án ly hôn giữa anh và chị L, bố đẻ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh đồng ý, nếu sau này các bên có tranh chấp khi đó sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

**** Tại Bản tự khai đề ngày 07 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Huy T là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng Ch, trình bày:***

Tại sổ vay vốn, các giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay, sổ lưu tờ rơi theo các mã món vay số 6600000711542258, số 6600000712738402 thể hiện anh T, chị L có vay nợ Ngân hàng số tiền gốc là 42.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận, cụ thể: Ngày 28 tháng 11 năm 2017 vay vốn theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vay 12 triệu đồng, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay 55 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, số tiền trả nợ 1,2 triệu

đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 28 tháng 6 năm 2022. Ngày 09 tháng 5 năm 2018 vay vốn theo chương trình hộ mới thoát nghèo, số tiền vay 30 triệu đồng, lãi suất 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 35 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ 10 triệu đồng/lần, kỳ cuối cùng 10 triệu đồng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09 tháng 4 năm 2021. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày 07. Tiền gốc, chị L, anh T chưa trả. Tiền lãi, chị L, anh T đã trả hết tháng 01 năm 2021. Nay chị L, anh T ly hôn, để đảm bảo nguồn vốn của Chính phủ về cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, Ngân hàng yêu cầu chị L, anh T phải trả Ngân hàng số tiền nợ trên. Về nghĩa vụ trả nợ, theo lời khai của anh T ngày 22 tháng 01 năm 2021 và trước phiên tòa hôm nay, Ngân hàng trực tiếp gặp anh T, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày là anh T nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên, đề nghị của anh T là tự nguyện nên Ngân hàng chấp nhận và đề nghị Tòa án buộc anh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến khi trả hết nợ gốc theo thỏa thuận các bên đã ký kết.

**** Tại Biên bản lấy khai đề ngày 13 tháng 8 năm 2020, cháu Phạm T Minh, có người đại diện là chị Trần Thị L, trình bày:***

Bố đẻ cháu là Phạm Văn T. Mẹ đẻ cháu là Trần Thị L. Hiện cháu đang ở cùng bố đẻ cháu. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng bố đẻ cháu.

**** Tại Biên bản lấy khai đề ngày 13 tháng 8 năm 2020, cháu Phạm T Anh, có người đại diện là chị Trần Thị L, trình bày:***

Bố đẻ cháu là Phạm Văn T. Mẹ đẻ cháu là Trần Thị L. Hiện cháu đang ở cùng mẹ đẻ cháu. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ đẻ cháu.

**** Tại các Biên bản xác minh ngày 26 tháng 8 năm 2020, ngày 12 tháng 11 năm 2020, ông Phạm Đức TT (bố đẻ anh Phạm Văn T), trình bày:***

Anh T và chị L kết hôn năm 2004. Anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là về kinh tế. Về phía gia đình đã phân tích, hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không giải quyết được. Từ tháng 7 năm 2019 chị L lên Hà Nội ở, không về nhà. Nay

chị L xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, nếu chị L vẫn cương quyết ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh T và chị L có hai con chung là Phạm T Minh, sinh năm 2005 và Phạm T Anh, sinh năm 2008. Trường hợp anh chị ly hôn, về con chung của anh chị, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết liên quan đến tài sản chung của anh T, chị L, về công nợ chung của anh chị tại Ngân hàng Ch, là việc của anh T, chị L, ông không có ý kiến gì. Riêng đối với khoản nợ của anh T, chị L tại Ngân hàng NN chi nhánh huyện V, tỉnh Thái Bình, ngày 15 tháng 9 năm 2020 ông đã trả xong khoản nợ trên thay cho anh T, chị L tại Ngân hàng, tổng số tiền gốc và lãi là 106.530.137 đồng. Tiền trả Ngân hàng là tiền riêng của ông. Đối với khoản tiền ông đã trả thay cho anh T, chị L tại Ngân hàng, giữa ông, anh T, chị L sẽ tự giải quyết với nhau, ông không có yêu cầu độc lập và không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này các bên có tranh chấp ông sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

**** Tại Biên bản xác minh đề ngày 26 tháng 8 năm 2020, ông Trần Văn M (bố đẻ chị Trần Thị L), trình bày:***

Chị L, anh T kết hôn năm 2004. Về mâu thuẫn giữa anh chị là do anh chị làm ăn thua lỗ, vay nợ nhiều dẫn đến đánh cãi chửi nhau. Gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Nay chị L xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án chấp nhận như theo đơn của chị L.

Chị L, anh T có hai con chung là Phạm T Minh, sinh năm 2005 và Phạm T Anh, sinh năm 2008. Nếu anh chị ly hôn, về các con chung của anh chị, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung giữa chị L, anh T, anh chị tự giải quyết, ông không có ý kiến, đề nghị gì.

**** Tại Biên bản xác minh đề ngày 26 tháng 8 năm 2020, đại diện thôn VL, đại diện UBND xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị L, anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 10 tháng 12 năm 2004. Về mâu thuẫn giữa anh chị là do chị L không có công ăn việc làm ổn định, anh T không chịu khó làm ăn. Nay chị L xin ly hôn

anh T, đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ nếu không thành đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị L, anh T có hai con chung là Phạm T Minh, sinh năm 2005 và Phạm T Anh, sinh năm 2008. Nếu anh chị ly hôn, về vấn đề nuôi con chung của chị L, anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Vấn đề giải quyết liên quan đến tài sản, công nợ giữa chị L, anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

*** *Tại Thông báo về việc xác nhận số dư tài khoản tiền vay của khách hàng đề ngày 15 tháng 9 năm 2020 Ngân hàng NN chi nhánh huyện V, Thái Bình cung cấp:***

Năm 2018, anh T, chị L có vay vốn tại Ngân hàng số tiền gốc 100 triệu đồng theo hợp đồng tín dụng số 3402-LAV-201806082 ngày 26 tháng 9 năm 2018. Đến thời điểm hiện tại khách hàng đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và không còn dư nợ tại Ngân hàng.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Xử cho chị L được ly hôn anh T. Giao cho chị L nuôi dưỡng con Phạm T Anh. Giao cho anh T nuôi dưỡng con Phạm T Minh. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Không giải quyết về chia tài sản chung. Về nợ chung: Đối với số nợ gốc, nợ lãi 106.530.137 đồng

của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ông Phạm Đức TT (bố đẻ anh T) đã trả nợ thay cho anh T, chị L nhưng các bên không đề nghị nên không đặt ra giải quyết. Đối với khoản nợ của Ngân hàng Ch, chấp nhận sự thỏa thuận của các bên, buộc anh T phải trả số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng và lãi phát sinh. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T, anh T hiện đang cư trú tại xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T không đến Tòa án, không nộp bản tự khai, không trình bày ý kiến, quan điểm theo yêu cầu của Tòa án, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo trình tự vắng mặt anh T và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại Điều 208, Điều 209, Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 khi Tòa án giao trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa tại địa phương, anh T đã đề nghị Tòa án ghi lời khai về ý kiến, quan điểm của anh trong vụ án với sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương.

[1.3] Ngày 22 tháng 01 năm 2021 chị Trần Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị L, vắng mặt anh T, có mặt ông T là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng Ch.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 10 tháng 12 năm 2004, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn anh chị đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc rồi mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là vì kinh tế gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã không có những biện pháp giải quyết dứt điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày một trầm trọng và từ tháng 7 năm 2019 đến nay anh chị mỗi người sống một nơi, chấm dứt mọi quan hệ. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Về phía anh T, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L, anh T là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T có hai con chung là Phạm T Minh, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2005, hiện đang ở cùng anh T và con Phạm T Anh, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2008, hiện đang ở cùng chị L. Nay anh chị ly hôn, để các con ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập và theo nguyện vọng của các con, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con T Anh, anh T trực tiếp nuôi dưỡng con T Minh, chị L, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con trẻ.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ:

[2.4.1] Đối với khoản nợ của chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T tại Ngân hàng Ch, số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận, thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án

sử dụng vốn vay, sổ lưu từ rơi theo các mã món vay số 6600000711542258 ngày 28 tháng 11 năm 2017, số 6600000712738402 ngày 09 tháng 5 năm 2018 được ký kết giữa Ngân hàng và chị L, anh T là tự nguyện, đúng pháp luật. Đến thời điểm hiện tại chị L, anh T chưa trả nợ gốc, nợ lãi đã trả hết tháng 01 năm 2021. Khoản nợ trên hiện chưa đến hạn trả nợ, tuy nhiên, do chị L, anh T ly hôn và để đảm bảo nguồn vốn của Chính phủ về cho vay hộ nghèo cùng các đối tượng chính sách khác, yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị Tòa án buộc bên vay phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận là có cơ sở. Về nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trên, anh T nhận trách nhiệm trả toàn bộ, chị L, Ngân hàng đồng ý đề nghị này của anh T. Xét thấy, đề nghị của các bên là tự nguyện, căn cứ quy định tại các Điều 37, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận và buộc anh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc theo thỏa thuận các bên đã ký kết.

[2.4.2] Đối với khoản nợ của chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T tại Ngân hàng NN, chi nhánh huyện V, tỉnh Thái Bình số tiền gốc là 100 triệu, lãi suất theo thỏa thuận. Theo lời khai của đương sự và tài liệu Ngân hàng cung cấp, trong ngày 15 tháng 9 năm 2020 ông Phạm Đức TT (bố đẻ anh T) đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tại Ngân hàng với tổng số tiền là 106.530.137 đồng. Việc trả nợ trên, ông TT, chị L, anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phạm Văn T phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật, số tiền là 2.100.000 đồng (42.000.000 đồng x 5%).

[2.6] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L, anh Phạm Văn T, Ngân hàng Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84, 37, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm T Anh, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2008. Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm T Minh, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2005. Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

2.2. Chị Trần Thị L, anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Ch số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) và lãi suất phát sinh đến khi trả hết nợ gốc theo thỏa thuận các bên đã ký kết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0003880 ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phạm Văn T phải nộp 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L, anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ngân hàng Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02 tháng 02 năm 2021).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình
(Giấy chứng nhận kết hôn số 34, ngày 10 tháng 12 năm 2004);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

